

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 281/2024/DS-PT

Ngày 06 - 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương và bà Nguyễn Thị Hằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Huê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2024/TLPT-DS ngày 02/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 228/2024/QĐPT-DS ngày 26/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2024/QĐ-PT ngày 15/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 1, xã Krông A, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nay Th, sinh năm 1980 và bà H Bl, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: Buôn Aê L, xã Krông J, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: 11 Lê Đại C, phường Thắng L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà H B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 20/5/2020 bà Nguyễn Thị M có cho bà H Bl vay số tiền 11.000.000 đồng, mục đích vay tiền để lo công việc gia đình, thời hạn vay từ ngày 20/5/2020 đến ngày 30/5/2020. Hai bên có lập giấy vay tiền đề ngày 20/5/2020, từ khi vay đến nay bà H Bl chưa thanh toán khoản nợ này cho bà M.

Bà M làm dịch vụ nấu ăn nên vào tháng 6/2020 vợ chồng bà H Bl, ông Nay T còn thuê bà tổ chức tiệc sinh nhật cho con. Sau khi làm tiệc xong bà M đến lấy tiền thì bà H Bl có trả trước cho bà M 10.000.000 đồng và nói hẹn hôm sau sẽ

trả. Sau đó, nhiều lần bà M đến nhà yêu cầu trả nợ thì vợ chồng bà H B1 luôn trốn tránh, đến ngày 16/12/2020 vợ chồng bà H B1 trả cho bà M số tiền 5.000.000 đồng; ngày 21/3/2021 trả số tiền 7.000.000 đồng, tổng cộng đã trả 12.000.000 đồng. Mỗi lần trả đều có ghi ở giấy vay tiền đề ngày 26/6/2020 và có chữ ký xác nhận của vợ chồng bà H B1. Đối với khoản tiền nợ tiệc tổ chức sinh nhật cho con của vợ chồng bà H B1 thì hai bên có lập hợp đồng vay tiền đề ngày 26/6/2020, số tiền 23.000.000 đồng là khoản tiền còn lại mà vợ chồng bà H B1 phải trả cho bà M, bà H B1 ký xác nhận bên vay. Sau khi trả được 12.000.000 đồng thì vợ chồng bà H B1 không tiếp tục trả nợ nữa, đến nay còn nợ lại tiền làm tiệc sinh nhật cho con là 11.000.000 đồng.

Bà M đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Nay T, bà H B1 trả nợ nhưng đến nay vợ chồng bà H B1 không trả thêm cho bà M bất kỳ khoản tiền nào.

Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nay T, bà H B1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vay gốc là 22.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

*** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà H B1 trình bày:**

Ngày 26/6/2020 bà H B1 có mượn của bà M số tiền 12.000.000 đồng để làm sinh nhật cho con, do bà H B1 chưa trả xong nợ cũ là số tiền 11.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 20/5/2020 nên bà M nói để viết dồn nợ cũ vào tờ mới luôn nên bà H B1 tin tưởng ký tên. Nay bà M yêu cầu bà H B1 trả số tiền 23.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì không thể trả hai lần số tiền 11.000.000 đồng. Số tiền này đã được cộng dồn vào giấy vay khác. Bà M biết rõ điều này vì trước đây bà M đã từng kiện bà H B1 đến Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk nhưng chỉ yêu cầu trả số tiền 23.000.000 đồng theo giấy vay ngày 26/6/2020, mà không kiện đòi số tiền 11.000.000 đồng theo giấy vay ngày 20/5/2020.

Đối với số tiền 23.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 26/6/2020 thì bà H B1 không đồng ý trả cho bà M vì đã trả đầy đủ cho bà M, cụ thể: Ngày 15/7/2020, tại nhà bà H B1 bà đã trả bằng tiền mặt cho bà M số tiền 10.000.000 đồng và bà M ghi xác nhận bên dưới giấy vay tiền nội dung: “Đợt 1: Trả tiền đám trước 10.000.000 đồng; Đợt 2: Trả tiền mượn sau.”; ngày 16/12/2020, vợ chồng bà H B1 trả số tiền 5.000.000 đồng, khi trả tiền vợ chồng bà có ghi, ký xác nhận vào mặt sau giấy vay; ngày 21/3/2021, vợ chồng bà H B1 trả số tiền 7.000.000 đồng, khi trả tiền vợ chồng bà có ghi, ký xác nhận vào mặt sau giấy vay. Tổng số tiền bà H B1 đã trả cho bà M là 22.000.000 đồng. Còn 1.000.000 đồng thì do trước đó bà M có nhờ bà H B1 giới thiệu dịch vụ tổ chức tiệc thì sẽ cho tiền hoa hồng, bà H B1 đã giới thiệu cho bà M 02 đám nhưng bà M không trả tiền mà nói cần trừ qua số nợ 1.000.000 đồng còn lại.

Nay bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H B1 trả số tiền vay gốc là 22.000.000 đồng và tiền lãi thì bà H B1 không đồng ý vì đã trả hết nợ từ năm 2021.

Tại bản án số 05/2024/DS-ST ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều

228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, buộc bị đơn ông Nay T, bà H Bl phải trả cho bà M tổng số tiền 28.859.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng); Trong đó 22.000.000 đồng tiền nợ gốc, gồm 11.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/5/2020, 11.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2020 và 6.859.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/5/2024 bị đơn bà H Bl kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và bị đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà H Bl, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với số tiền 11.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 20/5/2020. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H Bl thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị M 11.000.000 đồng, chữ ký, chữ viết đề tên H Bl tại mục đại diện Bên B là chữ ký, chữ viết của bà H Bl. Bà H Bl cho rằng số tiền vay 11.000.000 đồng đã được cộng dồn vào số tiền vay 23.000.000 đồng tại Hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2020. Tuy nhiên, bà H Bl không có chứng cứ, chứng minh cho trình bày của mình, đồng thời bà M cũng không thừa nhận, nên không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà H Bl.

[2.2]. Đối với số tiền 23.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2020. Bà H B1 cho rằng đã thanh toán đủ cho nguyên đơn 23.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 15/7/2020 trả 10.000.000 đồng; ngày 16/12/2020 trả 5.000.000 đồng; ngày 21/3/2021 trả 7.000.000 đồng; còn 1.000.000 đồng được khấu trừ vào tiền hoa hồng giới thiệu dịch vụ tổ chức tiệc.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận hai bên có ký hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2020, số tiền vay 23.000.000 đồng và bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 12.000.000 đồng (ngày 16/12/2020 trả 5.000.000 đồng; ngày 21/3/2021 trả 7.000.000 đồng).

Đối với số tiền 10.000.000 đồng được ghi cuối hợp đồng vay tiền, nguyên đơn trình bày đây là tiền đưa trước khi làm tiệc sinh nhật cho con của bị đơn, sau đó hai bên mới lập hợp đồng vay tiền để chốt số tiền nợ còn lại là 23.000.000 đồng, chữ viết nhận số tiền 10.000.000 đồng là do nguyên đơn viết sau khi bị đơn ký giấy vay tiền chốt nợ. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 01/4/2024 của bị đơn cũng xác định có trả cho nguyên đơn 10.000.000 đồng và nguyên đơn có ghi xác nhận tại giấy vay tiền ngày 26/6/2020 nội dung “Đợt 1 trả tiền đảm trước 10.000.000 đồng”. Như vậy, lời khai của nguyên đơn và bị đơn phù hợp với nội dung giấy vay tiền ngày 26/6/2020. Bị đơn cho rằng đã trả 10.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh về thời gian trả nợ cho nguyên đơn là vào ngày 15/7/2020, bên cạnh đó trong những lần trả tiền cho khoản vay ngày 26/6/2020 sau khi đã ký giấy chốt nợ thì vợ chồng bà H B1 đều ký xác nhận khi trả tiền, nhưng đối với khoản 10.000.000 đồng thì vợ chồng bà H B1 không viết hay ký xác nhận trả tiền nên không có cơ sở chấp nhận bị đơn đã cho cho nguyên đơn 10.000.000 đồng cho khoản vay 23.000.000 đồng.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị đơn cho rằng được khấu trừ vào tiền hoa hồng do bị đơn giới thiệu 02 đám tiệc cho nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình, nguyên đơn cũng không thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo bà H B1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà H B1 là người dân tộc thiểu số và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự phúc thẩm nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà H B1.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà H B1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc bị đơn ông Nay T và bà H Bl phải trả cho bà Nguyễn Thị M 28.859.000 đồng (*Hai mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó 22.000.000 đồng nợ gốc (gồm 11.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 20/5/2020 và 11.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2020) và 6.859.000 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà H Bl được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[2.3]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrăk ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Nhung